

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/DS-ST

Ngày: 18-6-2025

V/v “*Tranh chấp*

Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thân Văn Nhàn

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Văn Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Đức Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 18/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST-DS ngày 13/5/2025 và Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 08/2025/TB-TA ngày 03/6/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đài S, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà K:* Ông Đỗ Viết S, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Bình, thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

* *Bị đơn:* Ông Thân Ngọc C, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hậu, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị M, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hậu, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

+ Ông Vũ Trọng C, sinh năm 1957 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đài S, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị K do ông Đỗ Viết S đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà K và ông Thân Ngọc C có quen biết nhau. Hiện tại ông C nợ bà K số tiền gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) cụ thể bằng 06 giấy vay tiền:

- Ngày 24/02/2019 dương lịch (tức ngày 20/01/2019 âm lịch) giữa bà và ông Thân Ngọc C có ký kết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/02/2019 dương lịch, theo nội dung giấy biên nhận vay tiền, bà cho ông C vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Thời gian vay kể từ ngày 24/02/2019, lãi suất hai bên không thỏa thuận. Mục đích vay của ông C sử dụng tiền vào việc kinh doanh rau củ quả của gia đình. Việc ông C vay tiền của ông để kinh doanh rau củ quả, giữa bà và ông C có thỏa thuận lợi nhuận chia 5/5 hoặc 5/3, thời hạn thanh toán cứ 10 ngày thanh toán một lần. Ông C kinh doanh rau củ quả được khoảng 01 tháng thì ông C không kinh doanh nữa, xác định thời hạn vay số tiền trên là 01 tháng, giấy biên nhận vay tiền viết tại nhà bà, có mặt bà và ông C, ngoài ra không có ai khác. Bà yêu cầu ông C thanh toán cho bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) mà ông C đã vay của bà theo giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/02/2019, toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là chữ viết của ông C, chữ ký C, Thân Ngọc C trong mục người vay tiền là chữ ký, chữ viết của ông C, chữ K, Nguyễn Thị K trong mục người cho vay tiền là chữ ký, chữ viết của bà. Tuy nhiên, cho đến nay bà đòi nhiều lần nhưng ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà và bà cũng không nhận được thông tin về việc xin được lùi thời gian trả nợ hay kéo dài thời gian thời hạn vay tiền của bà. Bà có liên lạc với ông C để yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà nhưng cho đến nay ông C vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà được khoản tiền gốc và lãi nào.

- Ngày 24/5/2019 dương lịch (tức ngày 20/4/2019 âm lịch) giữa bà và ông Thân Ngọc C, có ký kết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/5/2019 dương lịch, theo nội dung giấy biên nhận vay tiền, bà cho ông C vay số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Thời gian vay kể từ ngày 24/5/2019 đến ngày 17/6/2019, thời hạn vay là 15 ngày, lãi suất hai bên không thỏa thuận. Mục đích vay của ông C sử dụng tiền vào việc gia đình, toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là chữ viết của ông C, chữ ký C, Thân Ngọc C trong mục người vay tiền là chữ ký, chữ viết của ông C, chữ K, Nguyễn Thị K trong mục người cho vay là chữ ký, chữ viết của bà. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông C phải trả cho bà số tiền gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) mà ông C vay. Nhưng đến hết 17/6/2019 dương lịch ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Tuy nhiên, cho đến hết 15 ngày ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà và bà cũng không nhận được thông tin về việc xin được lùi thời gian trả nợ hay kéo dài thời gian thời hạn vay tiền của bà. Bà có liên lạc với ông C để yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà nhưng cho đến nay ông C vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà được khoản tiền nợ gốc và lãi nào.

- Ngày 24/6/2019 dương lịch (tức ngày 23/5/2019 âm lịch) giữa bà và ông Thân Ngọc C, có ký kết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/6/2019 dương lịch, theo

nội dung giấy biên nhận vay tiền, bà cho vợ chồng ông C bà M vay số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Thời gian vay kể từ ngày 24/6/2019 đến ngày 28/6/2019, thời hạn vay là 04 ngày, lãi suất hai bên không thỏa thuận. Mục đích vay của ông C sử dụng tiền vào việc gia đình. Toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là chữ viết của ông C, chữ ký C, Thân Ngọc C trong mục người vay tiền là chữ ký, chữ viết của ông C, chữ K, Nguyễn Thị K trong mục người cho vay là chữ ký, chữ viết của bà. Đến hạn trả nợ ông C phải trả cho bà số tiền gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) mà ông C vay. Nhưng đến hết 28/6/2019 dương lịch ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Tuy nhiên, cho đến hết 05 ngày ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà và bà cũng không nhận được thông tin về việc xin được lùi thời gian trả nợ hay kéo dài thời gian thời hạn vay tiền của bà. Bà có liên lạc với ông C để yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà nhưng cho đến nay ông C vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà được khoản tiền nợ gốc và lãi nào.

Ngày 22/8/2019 dương lịch (tức ngày 22/7/2019 âm lịch) giữa bà và ông Thân Ngọc C, có ký kết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 22/8/2019 dương lịch, theo nội dung giấy biên nhận vay tiền, bà cho ông C vay số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Thời gian vay kể từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/9/2019. Mục đích vay của ông C sử dụng tiền vào việc gia đình, lãi suất hai bên không thỏa thuận. Toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là chữ viết của ông C, chữ ký C, Thân Ngọc C trong mục người vay tiền là chữ ký, chữ viết của ông C, chữ M trong mục người vay tiền là chữ ký của bà M, chữ K, Nguyễn Thị K trong mục người cho vay là chữ ký, chữ viết của bà. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông C phải trả cho ông số tiền gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) mà ông C vay. Nhưng đến hết 22/9/2019 dương lịch ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Tuy nhiên cho đến ngày phải trả nợ ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà và bà cũng không nhận được thông tin về việc xin được lùi thời gian trả nợ hay kéo dài thời gian thời hạn vay tiền của bà. Bà có liên lạc với ông C để yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà nhưng cho đến nay ông C vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà được khoản tiền gốc và lãi nào.

Ngày 28/8/2019 dương lịch (tức ngày 28/7/2019 âm lịch) giữa bà và ông Thân Ngọc C, theo nội dung giấy biên nhận vay tiền, bà cho ông C vay số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), có ký kết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 28/8/2019 dương lịch theo nội dung giấy vay tiền, bà cho ông C vay số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), lãi suất hai bên không thỏa thuận. Thời hạn vay kể từ ngày 28/8/2019 đến ngày 05/9/2019. Mục đích vay của ông C sử dụng tiền vào việc gia đình. Toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là chữ viết của ông C, chữ ký C, Thân Ngọc C trong mục người vay tiền là chữ ký, chữ viết của ông C, chữ M trong mục người vay tiền là chữ ký của bà M, chữ K, Nguyễn Thị K trong mục người cho vay là chữ ký, chữ viết của bà. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông C phải trả cho bà số tiền gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) mà ông C vay.

Nhưng đến hết 05/9/2019 dương lịch ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Tuy nhiên cho đến ngày phải trả nợ ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà và bà cũng không nhận được thông tin về việc xin được lùi thời gian trả nợ hay kéo dài thời gian thời hạn vay tiền của bà. Bà có liên lạc với ông C để yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà nhưng cho đến nay ông C vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà được khoản tiền gốc và lãi nào.

Ngày 07/9/2019 dương lịch (tức ngày 09/8/2019 âm lịch) giữa bà và ông Thân Ngọc C, có ký kết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 07/9/2019 dương lịch, theo nội dung giấy biên nhận vay tiền, bà cho ông C vay số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Thời gian vay kể từ ngày 07/9/2019 đến ngày 15/9/2019, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Mục đích vay của ông C sử dụng tiền vào việc gia đình. Toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là chữ viết của ông C, chữ ký C, Thân Ngọc C trong mục người vay tiền là chữ ký, chữ viết của ông C, chữ K, Nguyễn Thị K trong mục người cho vay là chữ ký, chữ viết của bà. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông C phải trả cho bà số tiền gốc là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) mà ông C vay. Nhưng đến hết 15/9/2019 dương lịch ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Tuy nhiên, cho đến ngày phải trả nợ ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà và bà cũng không nhận được thông tin về việc xin được lùi thời gian trả nợ hay kéo dài thời gian thời hạn vay tiền của bà. Bà có liên lạc với ông C để yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà nhưng cho đến nay ông C vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà được khoản tiền gốc và lãi nào.

Toàn bộ số tiền cho ông C, bà M vay theo các giấy biên nhận vay tiền trên là số tiền chung của vợ chồng bà. Bà yêu cầu ông C, bà M phải liên đới trả cho bà, ông C số tiền đã vay theo các giấy biên nhận vay tiền.

Tại đơn khởi kiện bà K yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Thân Ngọc C và bà Trần Thị M phải liên đới trả cho vợ chồng bà tổng số tiền gốc là 500.000.000 đồng theo các giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/02/2019, ngày 24/5/2019, ngày 24/6/2019, ngày 22/8/2019, ngày 28/8/2019, ngày 07/9/2019 và tiền lãi tính theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày đến hạn trả nợ của các giấy biên nhận vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm, tiền lãi tạm tính là 259.400.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 759.400.000 đồng (bảy trăm năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K vắng mặt.

Tại phiên tòa ông S là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Thân Ngọc C và bà Trần Thị M phải liên đới trả cho bà K, ông C tổng số tiền gốc là 500.000.000 đồng theo các giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/02/2019, ngày 24/5/2019, ngày 24/6/2019, ngày 22/8/2019, ngày 28/8/2019, ngày 07/9/2019 và tiền lãi tính theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày đến hạn trả nợ của các giấy biên nhận vay tiền đến ngày xét xử 18/6/2025. Ngoài ra, bà K không có yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Trọng C tại bản tự khai có trình bày:*

Ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K, ông đồng ý với toàn bộ lời trình bày của bà K, ngoài ra ông không có ý kiến gì khác

Tại phiên tòa ông C có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với bị đơn ông Thân Ngọc C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M: Tòa án đã tiến hành giao, gửi các văn bản tố tụng cho ông C, bà M nhưng tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ ông C, bà M đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc khởi kiện của bà K và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Thân Ngọc C, bà Trần Thị M vắng mặt

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông S chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn ông Thân Ngọc C, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

- Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc ông Thân Ngọc C, bà Trần Thị M phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K, ông Vũ Trọng C tổng số tiền là 794.506.000 đồng (trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 294.506.000 đồng).

Về án phí: Ông C, bà M phải liên đới chịu 35.780.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị K và ông Thân Ngọc C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông C có nơi cư trú: Thôn Hậu, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà K vắng mặt đã có ủy quyền cho ông S có mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông C; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M vắng mặt đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu ông C, bà M phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc theo các giấy biên nhận vay tiền và trả tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật được xác định là quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Về thời hiệu: Căn cứ các giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/02/2019, ngày 24/5/2019, ngày 24/6/2019, ngày 22/8/2019, ngày 28/8/2019, ngày 07/9/2019 thì ông C, bà M vay của bà K, ông C số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Sau đó đến hạn trả nợ của các khoản vay, ông C, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 17/12/2024 bà K nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông C, bà M trả số tiền đã vay. Vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K xác định đã cho ông Thân Ngọc C, bà Trần Thị M vay tổng số tiền là 500.000.000 đồng thông qua 06 giấy vay tiền, cụ thể như sau: Ngày 24/02/2019 vay 100.000.000 đồng; Ngày 24/05/2019 vay 60.000.000 đồng; Ngày 24/06/2019 vay 30.000.000 đồng; Ngày 22/08/2019 vay 120.000.000 đồng; Ngày 28/08/2019 vay 60.000.000 đồng; Ngày 07/09/2019 vay 130.000.000 đồng. Các giấy vay tiền này đều được ký kết giữa bà K và ông C, bà M. Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn bà K cung cấp là các giấy biên nhận vay tiền gốc cho Tòa án. Bị đơn ông C, bà M không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Do đó, có căn cứ chấp nhận các giấy biên nhận vay tiền này là hợp pháp để xem xét theo quy định tại Điều 463 và Điều 464 Bộ luật Dân sự.

Về nghĩa vụ trả nợ: Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, bên vay tài sản có nghĩa vụ hoàn trả tài sản đã vay đúng thời hạn thỏa thuận. Nếu không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ, bên vay phải hoàn trả ngay sau khi bên cho vay yêu cầu. Đối với khoản vay có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, ông C có nghĩa vụ hoàn trả ngay khi bà K yêu cầu, nguyên đơn trình bày đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông C trả nợ nhưng ông C, bà M không thực hiện trả cho bà K được khoản tiền nào. Như vậy, ông C, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các giấy biên nhận vay tiền trên.

Về xem xét trách nhiệm liên đới của bà Trần Thị M: Theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân để phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình hoặc kinh doanh chung là nợ chung của vợ chồng và vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới. Các khoản vay đều được xác định là để phục vụ nhu cầu gia đình, tuy bà M không có chữ ký trong mục người vay tiền tại các giấy biên nhận vay tiền ngày 24/02/2019; ngày 24/5/2019, ngày 24/6/2019, ngày

07/9/2019 nhưng bà M phải chịu trách nhiệm liên đới với ông C đối với các khoản vay này.

Như vậy, căn cứ vào chứng cứ là các giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/02/2019, ngày 24/5/2019, ngày 24/6/2019, ngày 22/8/2019, ngày 28/8/2019, ngày 07/9/2019 có chữ viết và chữ ký của ông C, bà M mục bên vay và lời khai bà K xác định toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy trên là chữ ký, chữ viết của ông C. Sau khi vay xong đến hạn trả của các giấy vay ông C, bà M không trả được tiền cho bà K. Đối với ông C, bà M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà K và không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình. Bà K xác định số tiền cho ông C, bà M vay là tiền chung của vợ chồng bà, số tiền ông C, bà M vay mục đích cho gia đình là nợ chung của ông C, bà M nên bà K yêu cầu ông C, bà M phải liên đới trả vợ chồng bà số tiền đã vay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông C, bà M đều vắng mặt không cung cấp được các tài liệu liên quan đến việc thể hiện không vay số tiền trên và đã trả đủ số tiền đã vay cho bà K nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, buộc ông C, bà M phải liên đới trả nợ số tiền gốc 500.000.000 đồng đã vay cho bà K theo các giấy biên nhận vay tiền trên.

* Về lãi suất bà K yêu cầu ông C, bà M trả lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/năm từ ngày đến hạn trả nợ theo các giấy biên nhận vay tiền trên cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/6/2025 thì thấy:

Tại các giấy biên nhận vay tiền không thỏa thuận lãi suất, đều có thời hạn vay. Như vậy, lời khai của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất chậm trả kể từ ngày hết hạn trả theo thỏa thuận tại giấy biên nhận vay tiền cần xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, cần phải tính lãi suất chậm trả của hợp đồng này có mức là 10%/năm theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn bà K yêu cầu lãi suất 10%/năm nên cần được chấp nhận.

Cụ thể tiền lãi như sau:

- Khoản vay ngày 24/02/2019: Lãi từ 25/03/2019 đến 18/06/2025 (06 năm 02 tháng 26 ngày), lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là: $06 \text{ năm} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 10\% + 02 \text{ tháng} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% + 26 \text{ ngày} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\% = 60.000.000 \text{ đồng} + 1.660.000 \text{ đồng} + 702.000 \text{ đồng} = 62.362.000 \text{ đồng}$.

- Khoản vay ngày 24/05/2019: Lãi từ 18/06/2019 đến 18/06/2025 (06 năm), lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là: $06 \text{ năm} \times 60.000.000 \text{ đồng} \times 10\% = 36.000.000 \text{ đồng}$.

- Khoản vay ngày 24/06/2019: Lãi từ 29/06/2019 đến 18/06/2025 (05 năm 11 tháng 21 ngày), lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là: $05 \text{ năm} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 10\% + 11 \text{ tháng} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% + 21 \text{ ngày} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\% = 15.000.000 \text{ đồng} + 2.739.000 \text{ đồng} + 170.000 \text{ đồng} = 17.909.000 \text{ đồng}$.

- Khoản vay ngày 22/08/2019: Lãi từ 23/09/2019 đến 18/06/2025 (05 năm 08 tháng 25 ngày), lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là: $05 \text{ năm} \times 120.000.000 \text{ đồng} \times 10\%$

+ 08 tháng x 120.000.000 đồng x 0,83% + 25 ngày x 120.000.000 đồng x 0,027% = 60.000.000 đồng + 7.968.000 đồng + 810.000 đồng = 68.778.000 đồng.

- Khoản vay ngày 28/08/2019: Lãi từ 06/09/2019 đến 18/06/2025 (05 năm 09 tháng 12 ngày), lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là: 05 năm x 60.000.000 đồng x 10% + 09 tháng x 60.000.000 đồng x 0,83% + 12 ngày x 60.000.000 đồng x 0,027% = 30.000.000 đồng + 4.482.000 đồng + 194.000 đồng = 34.676.000 đồng.

- Khoản vay ngày 07/09/2019: Lãi từ 16/09/2019 đến 18/06/2025 (05 năm 9 tháng 02 ngày), lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là: 05 năm x 130.000.000 đồng x 10% + 09 tháng x 130.000.000 đồng x 0,83% + 02 ngày x 130.000.000 đồng x 0,027% = 65.000.000 đồng + 9.711.000 đồng + 70.000 đồng = 74.781.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là: 62.362.000 đồng + 36.000.000 đồng + 17.909.000 đồng + 68.778.000 đồng + 34.676.000 đồng + 74.781.000 đồng = 294.506.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền ông C, bà M phải trả cho bà K, ông C là 794.506.000 đồng, trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi là 294.506.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa bị đơn ông C, người liên quan bà M vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận nên ông C, bà M phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể tiền án phí dân sự sơ thẩm (794.506.000 đồng) là: 20.000.000 đồng x 4% của 394.506.000 đồng = 20.000.000 + 15.780.000 đồng = 35.780.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc ông Thân Ngọc C, bà Trần Thị M phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K, ông Vũ Trọng C tổng số tiền là 794.506.000 đồng (bảy trăm chín tư triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 294.506.000 đồng (hai trăm chín tư triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí: Ông Thân Ngọc C, bà Trần Thị M phải liên đới chịu 35.780.000 đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

